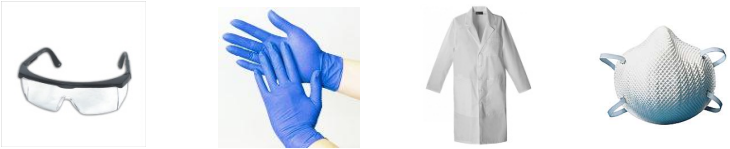


VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Di-sodium hydrogen phosphate	MSDS: 95 16/10/2012									
Trang phục bảo hộ		Nhãn	HMSI (USA)								
			<table border="1"> <tr> <td>Health</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Fire</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>Reactivity</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>Personal Protection</td> <td>E</td> </tr> </table>	Health	1	Fire	0	Reactivity	0	Personal Protection	E
Health	1										
Fire	0										
Reactivity	0										
Personal Protection	E										
1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT											
Tên gọi: Di-sodium hydrogen phosphate Tên thương mại: Số CAS: 7558-79-4 Số UN: Số đăng ký EC: Tên nhà sản xuất: Mục đích sử dụng: phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.		Đơn vị sử dụng: VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719 Liên hệ khẩn cấp: Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115									
2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT											
Tên thành phần hóa chất	CAS-Number	Công thức cấu tạo	% theo khối lượng								
Di-sodium hydrogen phosphate	7558-79-4	Na_2HPO_4	100								
3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT											
<ul style="list-style-type: none"> - Tác động cấp tính <i>Tiếp xúc với mắt:</i> ít nguy hại. <i>Nuốt phải:</i> ít nguy hại. <i>Hít phải:</i> ít nguy hại. <i>Tiếp xúc với da:</i> ít nguy hại. - Tác động mãn tính <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị. 											

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Di-sodium hydrogen phosphate	MSDS: 95 16/10/2012
<p>Gây đột biến gen: không có giá trị.</p> <p>Gây quái thai: không có giá trị.</p> <p>Độc tính phát triển: không có giá trị.</p> <p>Sự tiếp xúc liên tục kéo dài và nhiều lần hóa chất này không làm xấu đi tình trạng sức khỏe.</p>		
4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ		
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với mắt Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát tròng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút. Cần gọi sự trợ giúp y tế. - Tiếp xúc với da Rửa bằng xà phòng và nước. Xoa vùng da nhiễm bẩn bằng kem làm mềm. Gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng phát triển. Có thể sử dụng nước lạnh. - Hít vào Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi cấp cứu. Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Gọi sự trợ giúp từ y tế. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi sự trợ giúp từ y tế. - Nuốt vào Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nạn nhân nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... 		
5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ		
<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính cháy của hóa chất: không cháy - Nhiệt độ tự bốc cháy: không áp dụng. - Điểm bốc cháy: không áp dụng. - Giới hạn có thể cháy: không có giá trị. - Sản phẩm cháy: không có giá trị. - Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác: không có giá trị. 		

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Di-sodium hydrogen phosphate</p>	<p>MSDS: 95 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác <i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị. <i>Tác động tĩnh:</i> không có giá trị. - Chỉ dẫn chữa cháy: không có giá trị. 		
<p>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật. - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất thải bỏ. 		
<p>7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Sự đề phòng Không được nuốt hay hít bụi. Mặc trang phục bảo vệ thích hợp. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, sử dụng thiết bị trợ hô hấp. Nếu nuốt phải, cần gọi sự trợ giúp y tế ngay. Giữ hóa chất xa khỏi những chất không tương ứng như axit, kiềm. - Tồn trữ Đóng chặt nắp thùng chứa. Giữ trong điều kiện thoáng mát và hút ẩm. 		
<p>8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát kỹ thuật Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn. - Bảo hộ cá nhân: kính an toàn, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang ngăn bụi, đảm bảo sử dụng mặt nạ phù hợp tương ứng, găng tay. - Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn: kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Trang phục bảo hộ có thể không cần thiết, tham khảo chuyên gia trước khi xử lý. 		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Di-sodium hydrogen phosphate	MSDS: 95 16/10/2012
--	--	------------------------

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- **Trạng thái và hình dạng vật lý:** rắn (dạng rắn).
- **Mùi:** không mùi.
- **Vị:** mặn.
- **Khối lượng phân tử:** 141,96 (g/mole).
- **Màu:** trắng.
- **pH (1% dung môi/nước):** 9,1 (bazo).
- **Điểm sôi:** không có giá trị.
- **Điểm tan chảy:** nhiệt độ phân hủy 240°C, chuyển thành dạng sodium pyrophosphate ở 240°C.
- **Nhiệt độ tới hạn:** không có giá trị.
- **Trọng lượng riêng:** không có giá trị.
- **Áp suất bay hơi:** không có giá trị.
- **Tỉ trọng bay hơi:** 4,9 (không khí =1).
- **Sự bay hơi:** không có giá trị.
- **Ngưỡng mùi:** không có giá trị.
- **Hệ số phân phối nước/dầu:** không có giá trị.
- **Ionicity (trong nước):** không có giá trị.
- **Tính chất phân tán:** hòa tan trong nước.
- **Sự hòa tan:** dễ dàng hòa tan trong nước nóng. Hòa tan trong nước lạnh, không hòa tan trong methanol, n-octanol.

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- **Độ ổn định:** hóa chất ổn định.
- **Nhiệt độ gây không ổn định:** không có giá trị.
- **Những điều kiện gây không ổn định:** độ ẩm, các chất không tương thích. Khi nung tới nhiệt độ phân hủy, sẽ tạo ra khói phosphoxides và sodium oxide.
- **Những hóa chất không tương thích:** phản ứng với kiềm, axit.
- **Tính ăn mòn:** không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh.
- **Poly hóa:** không xảy ra.

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Di-sodium hydrogen phosphate	MSDS: 95 16/10/2012
--	--	------------------------

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- **Đường đi vào:** hô hấp, tiêu hóa.
- **Độc tính lên động vật:** liều độc cấp tính qua đường miệng, LD₅₀ > 17000 mg/kg (chuột).
- **Ảnh hưởng mãn tính lên con người:** có thể gây kích ứng da, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp không có giá trị.
- **Ảnh hưởng độc tính lên con người:** không có giá trị
- **Lưu ý về độc tính khác lên con người:**

Độc cấp tính

Da: gây kích ứng, có thể viêm da

Mắt: gây kích ứng vừa phải.

Nuốt phải: gây kích ứng cho hệ tiêu hóa và có thể phải làm sạch ruột. Di-sodium hydrogen phosphate hấp thụ chậm. Nếu nuốt phải lượng lớn hóa chất có thể gây ảnh hưởng tới hệ thần kinh trung ương và vận động. Tuy nhiên, nếu một lượng phosphate được hấp thụ, sẽ làm gia tăng nồng độ phosphate trong máu. Trong trường hợp nặng nồng độ phosphate tăng sẽ gây hạ canxi. Hệ tim mạch, hệ hô hấp, nơ ron thần kinh và cấu trúc cơ sẽ bị ảnh hưởng thứ cấp do hiện tượng hypernatremia, hypophosphatemia và hypocalcemia.

Hít phải: có thể gây ra kích ứng hệ hô hấp và màng nhày.

Độc mãn tính: da: nếu tiếp xúc thời gian dài và lặp lại nhiều lần có thể gây viêm da.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

- **Độc tính sinh thái:** không có giá trị.
- **BOD₅ và COD:** không có giá trị.
- **Sản phẩm phân hủy sinh học:** những sản phẩm phân hủy ngắn độc hại có thể khác nhau. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.

Độc tính sản phẩm phân hủy: sản phẩm phân hủy không có độc tính.

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.
- **Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)**

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Di-sodium hydrogen phosphate</p>	<p>MSDS: 95 16/10/2012</p>
<p>Tái sử dụng nếu có thể</p> <p>Thu gom và xử lý dạng rắn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định. <p>Thu gom và xử lý dạng lỏng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dung môi thái, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp. • Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước. <p>Xử lý hóa chất dạng hơi: vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p> <p><u>Chú ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kỵ với nhau (tham khảo trong bảng). - Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn. - Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó. - Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom. 		
<p>14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - Xếp loại DOT: không có giá trị. UNNA:9147 PG:III. <p>Nhận dạng: không áp dụng.</p>		
<p>15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Quy chuẩn áp dụng Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002. 		

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Di-sodium hydrogen phosphate</p>	<p>MSDS: 95 16/10/2012</p>
<p>Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.</p> <p>- Xếp loại khác <i>DSCL (EEC):</i> không áp dụng. <i>HMIS (U.S.A.)</i></p> <p>Độc hại sức khỏe: 1 Nguy hiểm cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: E</p> <p><i>National Fire Protection Association (U.S.A.)</i></p> <p>Sức khỏe: 1 Khả năng cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p>		
<p>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</p>		
<p>- Thông tin tham khảo: Di-sodium hydrogen phosphate MSDS – science lab.com, INC, Mỹ</p> <p>- Ngày ghi: 16/10/2012</p> <p>- Ngày sửa đổi gần nhất: 16/10/2012</p> <p>- Tổ chức biên soạn: Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường.</p> <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		